

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2018/DS-PT

Ngày 31-8-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Trần Văn Lực

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Cẩm Nang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2018/TLPT-DS, ngày 10/7/2018 về việc T1 chấp hợp đồng dân sự về góp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 348/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Nguyên T, sinh năm 1977; địa chỉ ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn L: Chị Mai Thị H, sinh năm 1970; địa chỉ ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

2. Chị Đặng Thị Nguyên T1, sinh năm 1984; địa chỉ ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị Mai Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị Nguyên T trình bày như sau:*

Vào năm 2016 - 2017 chị T có chơi hội dùm cho chị H do chị Đặng Thị Nguyên T1 làm đầu thảo gồm 07 dây hội không lãi và 21 dây hội có lãi, cụ thể như sau:

- Hội không lãi:

1. Dây hội 2.000.000 đồng, khai ngày 28/12/2016 kết thúc ngày 28/10/2017, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, trừ 800.000đ tiền đầu thảo, nhận số tiền 13.060.000 đồng, đã đóng 4.000.000 đồng, còn nợ lại 9.060.000 đồng.

2. Dây hội 2.000.000 đồng, khai ngày 14/02/2016 kết thúc ngày 14/12/2017, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, trừ 800.000 đồng tiền đầu thảo, nhận số tiền 12.950.000 đồng, đã đóng 2.000.000 đồng, còn nợ lại 10.950.000 đồng.

3. Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 19/9/2016 kết thúc ngày 19/7/2017, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, trừ 1.200.000 đồng tiền đầu thảo, nhận số tiền 22.450.000 đồng, đã đóng lại 18.000.000 đồng, còn nợ lại 4.450.000 đồng.

4. Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 24/01/2017 kết thúc ngày 24/11/2017, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, trừ 1.200.000 đồng tiền đầu thảo, nhận số tiền 20.140.000 đồng, đã đóng 3.000.000 đồng, còn nợ lại 17.140.000 đồng.

5. Dây hội 2.000.000 đồng, khai ngày 22/02/2017 kết thúc ngày 22/12/2017, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, trừ 1.200.000 đồng tiền đầu thảo, nhận số tiền 20.800.000 đồng, đã đóng 3.000.000 đồng, còn nợ lại 17.800.000 đồng.

6. Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 14/3/2017 kết thúc ngày 14/01/2018, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, trừ 1.200.000 đồng tiền đầu thảo, nhận số tiền 20.140.000 đồng, còn nợ lại 20.140.000 đồng.

7. Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 16/3/2017 kết thúc ngày 16/01/2018, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, trừ 1.200.000 đồng tiền đầu thảo, nhận số tiền 20.250.000 đồng, còn nợ lại 20.250.000 đồng.

Tổng cộng 99.790.000 đồng.

- Hội có lãi:

1. Dây hội tháng, loại hội 1.000.000 đồng, khai ngày 29/4/2016, mãn ngày 29/3/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, đóng hội chết 10 lần, còn nợ 01 lần với số tiền là 1.000.000 đồng.

2. Dây hội tháng, loại hội 1.000.000 đồng, khai ngày 22/7/2016, mãn ngày 22/6/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hót kì đầu tiên, đóng hội chết 8 lần, còn nợ 03 lần với số tiền là 3.000.000 đồng.

3. Dây hui tháng, loại hui 1.000.000 đồng, khai ngày 01/9/2016, mãn ngày 01/7/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 06 lần, còn nợ 05 lần với số tiền là 5.000.000 đồng.
4. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 16/5/2016, mãn ngày 16/4/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 10 lần, còn nợ 01 lần với số tiền là 2.000.000 đồng.
5. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 22/6/2016, mãn ngày 22/5/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 09 lần, còn nợ 02 lần với số tiền là 4.000.000 đồng.
6. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 29/6/2016, mãn ngày 29/5/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 08 lần, còn nợ 03 lần với số tiền là 6.000.000 đồng.
7. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 09/8/2016, mãn ngày 09/6/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 7 lần, còn nợ 04 lần với số tiền là 8.000.000 đồng.
8. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 27/8/2016, mãn ngày 27/6/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 6 lần, còn nợ 05 lần với số tiền là 10.000.000 đồng.
9. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 06/9/2016, mãn ngày 06/7/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 6 lần, còn nợ 05 lần với số tiền là 10.000.000 đồng.
10. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 06/10/2016, mãn ngày 06/8/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 05 lần, còn nợ 06 lần với số tiền là 12.000.000 đồng.
11. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 17/10/2016, mãn ngày 17/8/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 05 lần, còn nợ 06 lần với số tiền là 12.000.000 đồng.
12. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 27/10/2016, mãn ngày 27/8/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 04 lần, còn nợ 07 lần với số tiền là 14.000.000 đồng.
13. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng khai ngày 29/10/2016, mãn ngày 29/8/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 04 lần, còn nợ 07 lần với số tiền là 14.000.000 đồng.
14. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 14/11/2016, mãn ngày 14/9/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 04 lần, còn nợ 07 lần với số tiền là 14.000.000 đồng.
15. Dây hui tháng, loại hui 2.000.000 đồng, khai ngày 02/12/2016, mãn ngày 02/10/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hui chết 03 lần, còn nợ 08 lần với số tiền là 16.000.000 đồng.

16. Dây hụi tháng, loại hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 20/12/2016, mãn ngày 20/10/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hụi chết 03 lần, còn nợ 08 lần với số tiền là 16.000.000 đồng.

17. Dây hụi tháng, loại hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 12/5/2016, mãn ngày 12/4/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hụi chết 10 lần, còn nợ 01 lần với số tiền là 3.000.000 đồng.

18. Dây hụi tháng, loại hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 10/9/2016, mãn ngày 10/7/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hụi chết 06 lần, còn nợ 05 lần với số tiền là 15.000.000 đồng.

19. Dây hụi tháng, loại hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 24/11/2016, mãn ngày 24/9/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hụi chết 03 lần, còn nợ 08 lần với số tiền là 24.000.000 đồng.

20. Dây hụi tháng, loại hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 19/12/2016, mãn ngày 19/10/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hụi chết 3 lần, còn nợ 08 lần với số tiền là 24.000.000 đồng.

21. Dây hụi tháng, loại hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 28/11/2016, mãn ngày 28/9/2017 gồm 12 phần, chị T góp 1 phần, hốt kì đầu tiên, đóng hụi chết 03 lần, còn nợ 08 lần với số tiền là 24.000.000 đồng.

Tổng cộng: 237.000.000 đồng.

Nay chị T yêu cầu chị H, anh L phải trả số tiền nợ của 28 dây hụi với số tiền là 336.790.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/3/2017 theo lãi suất Nhà nước quy định.

** Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Mai Thị H trình bày:*

Chị H thừa nhận có nhờ chị T chơi hụi dùm và còn nợ tiền hụi chị T tổng cộng 336.790.000 đồng như chị T đã trình bày. Việc chơi hụi giữa chị với chị T, anh L là chồng chị không biết.

Nay chị T yêu cầu chị và anh L phải trả số tiền 336.790.000 đồng và tiền lãi chị không đồng ý. Chị H xin trả số tiền hụi vốn gốc 336.790.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

** Theo lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- *Chị Đặng Thị Nguyên T1 trình bày:* Lời trình bày của chị T là đúng, chị T có góp hụi với chị do chị làm đầu thảo, chị T hốt hụi và đóng hụi chết đầy đủ, sau này chị mới biết chị T chơi hụi dùm cho chị H. Chị T1 không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc chị H phải trả chị T số tiền hụi còn nợ là 336.790.000 đồng và tiền lãi là 20.296.587 đồng. Tổng cộng là 357.086.587 đồng (*ba trăm năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền thỏa thuận tự nguyện thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/5/2018 bị đơn chị Mai Thị H có đơn kháng cáo: Đồng ý trả cho chị T số tiền hui gốc còn nợ là 336.790.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi 20.296.587 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Đặng Thị Nguyên T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Mai Thị H giữ nguyên kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Qua xem xét nội dung vụ án và diễn biến tại phiên tòa chị H thừa nhận nợ chị T số tiền là 336.790.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H phải trả lãi cho chị T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật T1 chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn chị Mai Thị H còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung: Chị Mai Thị H kháng cáo đồng ý trả cho chị T tiền hui còn nợ là 336.790.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi 20.296.587 đồng với lý do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên không có khả năng trả lãi cho chị T. Xét yêu cầu kháng cáo của chị H là không có căn cứ chấp nhận, vì chị H thừa nhận còn nợ chị T tiền hui vốn gốc 336.790.000 đồng nên chị H phải có nghĩa vụ trả lãi cho chị T theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[3] Án sơ thẩm xử không buộc anh L cùng với chị H trả nợ cho chị T. Do chị H không kháng cáo nên không có căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

[4] Từ các nhận định và phân tích trên có căn cứ pháp lý để chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Mai Thị H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

1. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc chị Mai Thị H có nghĩa vụ trả cho chị Đặng Thị Nguyên T số tiền hụi còn nợ là 336.790.000 đồng và tiền lãi là 20.296.587 đồng. Tổng cộng là 357.086.587 đồng (*ba trăm năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi bảy đồng*).

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị H phải chịu 17.854.329 đồng (*mười bảy triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi chín đồng*).

Chị Đặng Thị Nguyên T không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.400.000 đồng (*tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo các biên lai số 0010892, 0010896, 0010895, 0010894, 0010893, 0010889, 0010890, 0014015, 0014013, 0014006, 0014005, 0014003, 0014002, 0014001, 0010900, 0010899, 0010898, 0010897, 0014022, 0014020, 0014021, 0014014, 0014024, 0014025, 0014018, 0014017, 0014016, 0014023 cùng ngày 27/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0014127 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Lực